Ý NGHĨA QUỐC TẾ CỦA TỔNG TUYỂN CỬ BẦU QUỐC HỘI KHÓA I VÀ HIẾN PHÁP NĂM 1946

LÊ THỊ THU HẰNG*
VÕ KIM CƯƠNG**

Tóm tắt: Tổng tuyển cử năm 1946, sự ra đời của Quốc hội khóa I và việc ban hành Hiến pháp 1946 không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với đời sống chính trị-xã hội trong nước, mà còn mang lại giá trị quốc tế đặc biệt của Việt Nam trong những ngày đầu thiết lập thể chế dân chủ cộng hòa. Tiếp theo thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, những sự kiện này không những đã đặt nền tảng vững chắc cho công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam, mà còn có tác động trên phạm vi quốc tế, nhất là đối với các dân tộc lúc đó còn bị thống trị và nô dịch bởi chủ nghĩa thực dân. Việt Nam, với vai trò là người mở đường cho các dân tộc thuộc địa trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, cũng như trong tiến trình xây dựng, củng cố, bảo vệ và phát triển chính quyền dân chủ, của dân và vì dân trong những ngày đầu sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, đã trở thành tấm gương sáng cho các nước thuộc thế giới thứ ba. Thắng lợi toàn diện của Việt Nam trong những ngày đầu đã góp phần củng cố và nâng tầm ảnh hưởng, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; uy tín và sự đóng góp của Việt Nam vào công cuộc củng cố nền độc lập của các nước thế giới thứ ba ngày càng được củng cố và phát triển mạnh mẽ. Đó cũng chính là tiền đề để cho nhân dân Việt Nam vững tin bước tiếp trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc XHCN hiện nay, là cơ sở vững chắc để đất nước Việt Nam ngày càng nâng cao vai trò và vị thế, ảnh hưởng của mình đối với cộng đồng quốc tế.

Từ khóa: Tổng tuyển cử 1946, Quốc hội khóa I, Hiến pháp 1946.

Abstract: The 1946 general election, the establishment of the First National Assembly, and the promulgation of the 1946 Constitution not only held great significance for Vietnam's domestic political and social life, but also carried particular international value in the early days of establishing a democratic republican regime. Following the victory of the August Revolution, these events laid a solid foundation for Vietnam's national liberation struggle, while also exerting influence on the international stage, especially among nations still subjected to colonial domination and oppression. Vietnam, as a pioneer among colonized peoples in the struggle for national independence, as well as in the process of building, consolidating, defending, and developing a democratic government - of the people, by the people, and for the people - in the immediate aftermath of the August Revolution, became a notable example for countries of the Third World. Vietnam's comprehensive successes in this initial period contributed to strengthening and elevating its influence and position in the international arena. Its prestige and contributions to the cause of consolidating independence among Third World countries were increasingly reinforced and expanded. These achievements also provided a crucial foundation for the Vietnamese people to confidently continue their path in the cause of building and firmly defending the socialist homeland in the present, while serving as a solid basis for Vietnam to further enhance its role, position, and influence within the international community.

Keywords: 1946 general election, First National Assembly, 1946 Constitution.

Ngày nhận bài: 20/9/2025; Ngày phản biện: 25/11/2025; Ngày duyệt đăng: 20/12/2025.

1. Đặt vấn đề

Trong những ngày đầu, sau khi Cách mạng tháng Tám 1945 giành thắng lợi, Việt Nam đã nhanh chóng tiến hành những công việc cần kíp trong tiến trình xây dựng vững chắc chính quyền cách mạng. Lênin - người Thầy vĩ đại của cách mạng vô sản thế giới đã từng khẳng định: *giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền còn khó hơn* (Ленин В.И, 1975: 26). Nhưng trong muôn vàn khó khăn của tình thế lúc bấy giờ, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, nhân dân Việt Nam đã hoàn thành trọn vẹn những nhiệm vụ trọng đại mà lịch sử đã trao: tiến hành cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên để

*TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam. Email: hanghistory@yahoo.com
**PGS.TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam. Email: cuong.vokim@gmail.com

bầu ra Quốc hội của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Quốc hội khoá I) và ban hành Hiến pháp 1946; qua đó khẳng định với toàn thế giới rằng Việt Nam bắt đầu tiến hành công cuộc xây dựng thể chế dân chủ cộng hòa.

Từ điểm xuất phát đó, nhân dân Việt Nam đã liên tiếp giành thắng lợi cuối cùng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đã trải qua nhiều chặng đường xây dựng, phát triển và bảo vệ vững chắc đất nước với những thành tựu rực rỡ và đầy tự hào. Việc nhìn lại những chặng đường lịch sử cụ thể của tiến trình cách mạng Việt Nam chính vì thế luôn mang ý nghĩa to lớn đối với công cuộc xây dựng đất nước giàu mạnh cũng như nâng cao vị thế và ảnh hưởng của Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế hiện nay.

Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu cả trong và ngoài nước đề cập đến vai trò, ý nghĩa lịch sử của cách mạng Việt Nam nói chung, của các sự kiện lịch sử cách mạng cụ thể nói riêng trên nhiều góc độ khác nhau. Cũng đã có khá nhiều công trình khai thác đến ý nghĩa, giá trị lịch sử của mỗi một sự kiện đối với các lĩnh vực cụ thể trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Tuy nhiên, vẫn còn những khoảng trống nhất định khi nhìn nhận vấn đề trên nhiều góc độ khác nhau, như về ý nghĩa quốc tế của cuộc Tổng tuyển cử năm 1946 và hoạt động của Quốc hội khóa I, nhất là tác động của các sự kiện đó đối với các dân tộc bị áp bức và nô dịch lúc bấy giờ.

Trên cơ sở tiếp cận các nguồn tài liệu gốc, nhất là các tài liệu về hoạt động của Quốc hội trong những năm đầu sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, chúng tôi xin trình bày thêm một vài nét về ý nghĩa quốc tế của các sự kiện lịch sử: Tổng tuyển cử năm 1946, Quốc hội khóa I và việc ban hành bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đối với các nước thuộc địa và phụ thuộc trước đây.

2. Kết quả và thảo luận

2.1. Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám 1945 thắng lợi, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới ra đời đã gặp phải những thử thách to lớn tưởng như không thể vượt quả nổi: đó là vừa thù trong vừa giặc ngoài, vừa phải chống lại các thế lực phản cách mạng trong nước, tình hình kinh tế, xã hội của đất nước lại vô cùng khó khăn, thiếu sự công nhận quốc tế, lại vừa phải đứng trước nguy cơ tái xâm lược của Pháp.

Trong bối cảnh "ngàn cân treo trên đầu sợi tóc" ấy, ngay tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời (3-9-1945), Chủ tịch Hồ Chi Minh đã nhấn mạnh sự cần thiết phải nhanh chóng tổ chức một cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu (Viện Sử học, 2017: 75-76) để bất cứ ai là công dân của nước Việt Nam mới trong độ tuổi theo quy định đều có quyền bầu cử và ứng cử; đồng thời Người cũng khẳng định sự cần thiết phải xây dựng một bản Hiến pháp thực sự dân chủ. Từ xuất phát điểm là nước Việt Nam từ trước đến lúc này đã bị chế độ phong kiến và thực dân cai trị cho nên nhân dân chưa được hưởng quyền tự do dân chủ. Chính vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẩn thiết "đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống…" (Hồ Chí Minh toàn tập, 2000: 8).

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "*Tổng tuyển cử tức là tự do, bình đẳng; tức là dân chủ, đoàn kết*" (Hồ Chí Minh toàn tập, t.4, 2000: 133). Trên cơ sở đề xuất của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ lâm thời đã ban hành một loạt các Sắc lệnh về vấn đề này: Sắc lệnh 14/SL ngày 8-9-1945 (Viện Sử học, 2002: 12) trong đó quy định sẽ tổ chức Tổng tuyển cử trong 2 tháng kể từ ngày ký Sắc lệnh; Sắc lệnh số 39/SL về việc thành lập Ủy ban dự thảo thể lệ

cuộc Tổng tuyển cử; Sắc lệnh 51/SL ngày 17-10-1945 nhằm khẳng định về nguyên tắc phổ thông đầu phiếu… (Viện Sử học, 2017: 76).

Ngày 5-1-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu. Người nhấn mạnh rằng, ngày Tổng tuyển cử sẽ là "ngày đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mà nhân dân ta bắt đầu hưởng dụng quyền dân chủ của mình" (Hồ Chí Minh toàn tập, t.4, 2000: 145).

Nếu như đặt vấn đề tổ chức bầu cử để bầu ra Quốc hội vào thời điểm hiện nay, khi đất nước ta được độc lập và hai miền đã được thống nhất, Nam-Bắc liền một dải và khi bối cảnh quốc tế đã thay đổi một cách căn bản, hoàn toàn khác biệt so với thời điểm trước Chiến tranh thế giới thứ Hai, thì không cần phải đề cập nhiều về khái niệm này. Nhưng ở vào thời điểm đất nước đang bị nô dịch và áp bức bởi chủ nghĩa thực dân như đã nói ở trên thì không phải ai cũng có thể hiểu được thấu đáo về ý nghĩa trọng đại của sự kiện Tổng tuyển cử để bầu ra Quốc hội.

Chúng ta đều biết rằng, về cơ bản, *Quốc hội (National Assembly/Congress)* hay *Nghị viện (Parliament*) đều là tên gọi của cơ quan lập pháp ở các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, cơ cấu tổ chức và thể chế chính trị mà cơ quan này đại diện lại có sự khác biệt nhất định. Tùy thuộc vào thể chế chính trị của mỗi một quốc gia, cơ quan lập pháp này thường được gọi là Quốc hội hoặc Nghị viện. Nghị viện thường được thành lập ở các nước thuộc thể chế đại nghị hoặc quân chủ lập hiến. Còn Quốc hội là cơ quan lập pháp chủ yếu là của các nước theo thể chế cộng hòa. Ngoài ra, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ với các cơ quan hành pháp của Quốc hội và Nghị viện cũng có những sự khác nhau nhất định. Mặc dù có ít nhiều khác biệt như vậy, nhưng có thể nói chức năng cơ bản của Quốc hội hay Nghị viện đều gần giống nhau, và điểm đặc biệt là cách thức tổ chức và vận hành của hai cơ quan này đều phụ thuộc vào thể chế chính trị của mỗi quốc gia.

Lịch sử quá trình hình thành và phát triển của Nghị viện/Quốc hội ở các nước trên thế giới gắn liền với lịch sử phát triển của xã hội loài người. Ngay từ thời cổ đại đã xuất hiện các hình thức hội đồng tư vấn sơ khai. Trong giai đoạn từ thế kỷ XVIII-XIX, do kết quả của các cuộc cách mạng tư sản đưa lại mà ở các nước như Anh, Pháp và Mỹ đã hình thành cơ sở nền móng để phát huy và tăng cường vai trò của Nghị viện/Quốc hội. Từ vai trò là một cơ quan tư vấn, Nghị viện/Quốc hội đã dần trở thành một cơ quan lập pháp của quốc gia, đại diện cho quyền lực của nhân dân. Từ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, ở các nước tư bản phương Tây, từ chỗ chỉ có thiểu số những người giàu có mới có quyền bầu cử, số lượng cử tri đã dần được nới rộng ra đối với toàn thể công dân trong độ tuổi quy định, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, chủng tộc, giới tính (phổ thông đầu phiếu); Nghị viện/Quốc hội dần trở thành cơ quan đại diện dân chủ.

Với những khái niệm, nội dung như đã trình bày trên đây, có thể khẳng rằng đại đa số nhân dân các nước Á-Phi lúc bấy giờ (trước Chiến tranh thế giới thứ Hai) đều chưa có chút hiểu biết nào về vấn đề này. Trong điều kiện đang bị chủ nghĩa thực dân nô dịch thì chắc chắn không thể có các cuộc Tổng tuyển cử ở các thuộc địa, nhân dân các nước này chắc chắn chưa từng có quyền tham gia bất kỳ một cuộc bầu cử tự do và dân chủ nào, cho nên họ không thể hiểu rõ được những khái niệm đó và tầm quan trọng của vấn đề Tổng tuyển cử tự do, dân chủ và sự cần thiết thành lập Quốc hội; những vấn đề đó là của "mẫu quốc" chứ không phải của người dân thuộc địa.

Như vậy, vào thời điểm ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ Hai vừa kết thúc thì chỉ có duy nhất nước Việt Nam, sau khi tuyên bố giành lại độc lập dân tộc đã nhanh chóng tổ chức Tổng tuyển cử. Nhờ sự khẩn trương chuẩn bị chu đáo cho nên cuộc Tổng tuyển cử để bầu ra Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã

được tổ chức vào ngày 6-1-1946 trên phạm vi cả nước, kể cả ở những vùng lúc này đang có chiến sự. Đây là cột mốc quan trọng đầu tiên của việc khẳng định tính chất dân chủ, tự do, bình đẳng của Nhà nước Việt Nam mới.

Sau khi cuộc Tổng tuyển cử thành công, ngày 2-3-1946 tại Nhà hát lớn Hà Nội, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tiến hành kỳ họp thứ nhất với sự tham dự của gần 300 đại biểu (Viện Sử học, 2017: 81-82). Sự ra đời của Quốc hội khóa I, Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam mới đã trở thành sự kiện chính trị vô cùng quan trọng. Kể từ thời điểm này, "Vận mệnh quốc gia Việt Nam là ở trong tay Quốc hội Việt Nam, chính thể của nước Việt Nam là chính thể dân chủ cộng hòa, có nhiệm vụ bảo vệ tự do và mưu đồ hạnh phúc cho mọi tầng lớp nhân dân" (Văn kiện Quốc hội, Toàn tập, 2016a: 53).

2.2. Một trong những vấn đề quan trọng để kỳ họp thứ 1 của Quốc hội thảo luận là sau khi hoàn tất việc tổ chức Chính phủ phải cần kíp tiến hành việc xây dựng Hiến pháp của nước Việt Nam mới, một bản Hiến pháp thực sự mang tính dân tộc, đoàn kết, dân chủ, bình đẳng và tiến bộ.

Trong lịch sử cận hiện đại thế giới, đối với phần lớn các quốc gia tư bản chủ nghĩa, Hiến pháp đều có vai trò tối quan trọng, là cơ sở để xây dựng thể chế của mỗi quốc gia. Hiến pháp luôn được coi là *đạo luật cơ bản của một quốc gia,* là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất, quy định những vấn đề cốt lõi và căn bản nhất trong đời sống chính trị - pháp lý của mỗi đất nước. Bản chất nhà nước và đường lối chính trị của quốc gia được phản ánh rõ nét trong Hiến pháp. Nói một cách tổng quát, Hiến pháp có vai trò trong việc quy định những vấn đề cơ bản nhất về chủ quyền quốc gia, chế độ chính trị, chính sách kinh tế, xã hội; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Trong thời cổ đại, Hiến pháp chưa hình thành. Mặc dù đã có một số nhà nước thời kỳ này ban hành các *bộ luật, quy ước, luật lệ…* nhưng đó chưa phải Hiến pháp. Cùng với tiến trình phát triển của xã hội loài người, Hiến pháp dần dần xuất hiện, từ sơ khai cho đến hiện đại. Vào thế kỷ XVIII, sau khi các trào lưu tư tưởng chính trị - pháp lý của *Thời kỳ khai sáng ở châu Âu* ra đời và trở thành nền tảng tư tưởng trong việc thiết lập nhà nước, Hiến pháp thực sự bắt đầu xuất hiện. Các bản Hiến pháp tiêu biểu như *Hiến pháp Mỹ 1787; Hiến pháp Pháp 1791…* là những bản Hiến pháp đầu tiên khẳng định *quyền con người, chủ quyền nhân dân.* Sau dấu mốc đó, nhiều nước trên thế giới đã tiếp thu học tập để ban hành Hiến pháp của mình.

Từ đầu thế kỷ XX, trong tất cả các loại hình nhà nước hiện đại: Xã hội chủ nghĩa, Tư sản (cộng hòa, dân chủ nghị viện, quân chủ lập hiến) hay Quân chủ chuyên chế cải cách… đều có hiến pháp. Còn hầu hết các loại hình nhà nước truyền thống có trước thế kỷ XVIII, như đã nói ở trên, đều chưa có hiến pháp theo đúng nghĩa hiện nay.

Ở các nước Á-Phi, trong thời kỳ bị chủ nghĩa thực dân nô dịch và áp bức thì hầu như không có hiến pháp riêng; đó là một điều chắc chắn. Bởi vì, một nước đã bị mất chủ quyền vào tay ngoại quốc thì không thể bầu ra quốc hội của nhân dân thuộc địa, vì thế không thể tự ban hành hiến pháp của riêng mình. Cá biệt cũng có một số rất ít lãnh thổ thuộc địa có cái gọi là "hiến pháp thuộc địa" như Ấn Độ dưới thời thuộc Anh, hay Philippines thời Mỹ cai trị, nhưng đó là những bản hiến pháp do các mẫu quốc ban hành với mục đích tổ chức bộ máy cai trị của chính quyền thực dân.

Có thể khẳng định rằng, chỉ các nhà nước có chủ quyền mới có hiến pháp theo đúng nghĩa của khái niệm này. Còn các nước thuộc địa thì không thể có hiến pháp.

Từ xuất phát điểm như vậy, việc Việt Nam ngay sau khi tuyên bố độc lập đã nhanh chóng Tổng tuyển cử để bầu ra Quốc hội khóa I ban hành bản Hiến pháp 1946 là một bước nhảy vọt chưa từng có tiền lệ trong hệ thống thuộc địa.

Ngày 20-9-1945, Chính phủ lâm thời đã ban hành Sắc lệnh 34/SL về việc thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp (Viện Sử học, 2002:13). Theo sắc lệnh này, bản dự thảo Hiến pháp do Ủy ban dự thảo Hiến pháp soạn thảo, sau khi trình Hội đồng Chính phủ, sẽ được công bố công khai để toàn dân bàn bạc, góp ý. Đồng thời, để triển khai công việc trọng đại tiến tới việc ban hành Hiến pháp, Chính phủ Việt Nam cũng đã nhanh chóng ban hành nhiều sắc lệnh quan trọng để bảo vệ quyền dân chủ của công dân Việt Nam. Đó là các sắc lệnh như: Sắc lệnh 40/SL về việc bảo vệ quyền tự do cá nhân; Sắc lệnh 41/SL quy định chế độ tự do báo chí; Sắc lệnh 52/SL ngày 22-6-1946, quy định chế độ tự do lập hội; Ngày 17-11-1946 Chính phủ ra Sắc lệnh số 223/SL truy tố các tội hối lộ, biển thủ công quỹ (Viện Sử học, 2017: 128).

Trên cơ sở bản dự thảo đã được biên soạn một cách cẩn trọng và lấy ý kiến đóng góp của nhân dân, tại kỳ họp thứ 2 của Quốc hội khóa I vào ngày 9-11-1946, các đại biểu đã nhất trí thông qua bản Hiến pháp với 240 phiếu tán thành trên tổng số 242 phiếu. Bản Hiến pháp khẳng định: Cách mạng Việt Nam "đã giành lại chủ quyền cho đất nước, tự do cho nhân dân và lập ra nền dân chủ cộng hòa. Sau tám mươi năm tranh đấu, dân tộc Việt Nam đã thoát khỏi vòng áp bức của chính sách thực dân, đồng thời đã gạt bỏ chế độ vua quan. Nước nhà đã bước sang một quãng đường mới… Nhiệm vụ của dân tộc ta trong giai đoạn này là bảo toàn lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ" (Văn kiện Quốc hội Toàn tập, 2016b: 103).

Mang trong mình những nội dung cách mạng và tiến bộ, bản Hiến pháp 1946 thông báo với toàn thể các nước trên thế giới biết rằng: Từ một nước thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, nước Việt Nam đã thực sự trở thành "một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo" *(Điều thứ 1*). Đất nước Việt Nam là một khối thống nhất Trung Nam Bắc không thể phân chia *(Điều thứ 2)*.

Đồng thời, Hiến pháp 1946 còn công bố với toàn thể nhân loại rằng, "tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, văn hoá" *(Điều thứ 6)*; "đều bình đẳng trước pháp luật, đều được tham gia chính quyền và công cuộc kiến quốc tuỳ theo tài năng và đức hạnh của mình" *(Điều thứ 7)*. "Công dân Việt Nam có quyền: Tự do ngôn luận; Tự do xuất bản; Tự do tổ chức và hội họp; Tự do tín ngưỡng; Tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài" *(Điều thứ 10)*. Ngoài ra, quyền tư hữu tài sản, quyền được học hành của công dân Việt Nam được bảo đảm; Chế độ bầu cử là phổ thông đầu phiếu. Bỏ phiếu phải tự do, trực tiếp và kín. Nhân dân có quyền bãi miễn các đại biểu mình đã bầu ra. Nhân dân có quyền phúc quyết về Hiến pháp và những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia…(từ *Điều thứ 12* đến *Điều thứ 21)* (Văn kiện Quốc hội Toàn tập, 2016b: 104-107). Với những nội dung như vậy, Hiến pháp 1946 đã khẳng định: "Chủ quyền của nước Việt Nam độc lập thuộc về toàn thể dân Việt Nam" (Văn kiện Quốc hội Toàn tập, 2016a: 53).

2.3. Có thể nói, từ một đất nước phải chịu sự áp bức và bóc lột của chế độ phong kiến và thực dân đế quốc trong suốt một thời gian dài, cũng giống như hoàn cảnh của đa số các nước Á-Phi lúc bấy giờ, thì việc nước Việt Nam mới đã tổ chức cuộc Tổng tuyển cử tự do, dân chủ bằng phổ thông đầu phiếu để bầu ra một Quốc hội phục vụ quyền lợi của toàn dân là tiếng sấm mở đường cho một giai đoạn phát triển mới của phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới.

Không chỉ vậy, sau khi ra mắt quốc dân, Quốc hội đã nhanh chóng soạn thảo và ban hành một bản Hiến pháp của thể chế dân chủ,

cộng hòa với những điều khoản nhằm mục tiêu bảo vệ tất cả mọi quyền lợi và nghĩa vụ của người công dân, như đã nói ở trên. Trong Lời phát biểu tại phiên họp bế mạc kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa I, ngày 9-11-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh rằng: "Bản Hiến pháp đó (*Hiến pháp 1946 - TG*) còn là một vết tích lịch sử Hiến pháp đầu tiên trong cõi Á Đông này nữa. Bản Hiến pháp đó chưa hoàn toàn nhưng nó đã làm nên theo một hoàn cảnh thực tế. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã độc lập. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới biết, dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới: phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân. Hiến pháp đó đã nêu một tinh thần đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc Việt Nam và một tinh thần liêm kiết, công bình của các giai cấp" (Văn kiện Quốc hội Toàn tập, 2016c: 119).

Chúng ta đều biết rõ rằng, cho đến trước khi Chiến tranh thế giới thứ Hai bùng nổ, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân trải rộng hầu khắp các nước Á-Phi. Trong bài phát biểu tại phiên họp thứ 22 Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản ngày 1-7-1924, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: 9 nước là Anh, Pháp, Mỹ, Tây Ban Nha, Italia, Nhật Bản, Bỉ, Bồ Đào Nha và Hà Lan, "với tổng số dân 320.657.000 người và với diện tích 11.407.600 km^2 bóc lột thuộc địa gồm hàng trăm dân tộc với số dân 560.193.000 người và với diện tích 55.637.000 km^2. Toàn bộ lãnh thổ của các nước thuộc địa rộng gấp 5 lần lãnh thổ của các chính quốc, còn số dân của các chính quốc chưa bằng 3/5 số dân của các nước thuộc địa" (Hồ Chí Minh Toàn tập, 1995: 277).

Trong hệ thống các nước thuộc địa, dù là do chủ nghĩa thực dân Anh, Pháp, Bồ Đào Nha hay Tây Ban Nha… thống trị, hay bất cứ của một chế độ thực dân nào thì người dân bản xứ cũng đều phải chịu đựng sự áp bức bóc lột nặng nề, đều phải chịu thân phân nô lệ của người dân mất nước. Nhân dân các nước thuộc địa đều bị trói buộc bằng bộ máy cai trị thực dân vô cùng hà khắc với hệ thống quân đội, cảnh sát, nhà tù, trại giam dày đặc, với những thiết chế luật pháp bất công, mang tính cưỡng bức và nô dịch. Mọi quyền tự do dân chủ của người dân thuộc địa hoàn toàn bị cấm đoán. Các bộ máy cai trị ở các nước thuộc địa, dù là được tổ chức theo hình thức cai trị "*gián tiếp*" hay là "*trực tiếp*" thì cũng đều do các quan thực dân da trắng trực tiếp điều hành. Hệ thống luật pháp của chính quyền thuộc địa của chủ nghĩa thực dân đều nhằm mục đích trói buộc người bản xứ, loại bỏ hết mọi quyền công dân và quyền con người của dân bản xứ, nô dịch họ trong đói ngèo và dốt nát.

Trong hoàn cảnh như vậy, cuộc đấu tranh để chống lại áp bức và bất công của nhân dân các nước thuộc địa là vô cùng khó khăn, gian khổ. Cho đến trước khi Chiến tranh thế giới thứ Hai kết thúc, với sự ảnh hưởng và tác động mạnh mẽ của nhiều yếu tố khách quan từ bên ngoài, các dân tộc thuộc địa mới bắt đầu nhận thức được con đường đấu tranh để giành lại độc lập cho đất nước mình, tự do cho nhân dân mình. Tại một số các nước Á-Phi bắt đầu bùng lên phong trào đòi độc lập dân tộc, chống ách áp bức và bóc lột của chủ nghĩa thực dân. Nhiều tổ chức, đảng phái chính trị bí mật mang mục tiêu đấu tranh nhằm thủ tiêu chế độ thống trị thực dân, giành độc lập dân tộc cũng nhanh chóng xuất hiện ở các nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi. Đặc biệt là ở khu vực Đông Nam Á như Indonesia, hay như ở Ấn Độ, xu hướng giành độc lập dân tộc có phần phát triển tương đối rõ nét, nhưng khi giành được độc lập dân tộc (Indonesia vào năm 1945 và Ấn Độ vào năm 1947) các nước này cũng đều phải sau một thời gian mới lập hiến. Hay tại các lãnh thổ "*ủy trị*" của Pháp ở Trung Đông, trước ảnh hưởng trực tiếp của trào lưu cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới, các thế lực thực dân ở đây đã buộc phải thỏa thuận để chuyển giao chính quyền cho nhân dân Siry và Li Băng từ năm 1944, nhưng "mẫu quốc" Pháp vẫn nắm giữ lĩnh vực quốc

phòng cho đến tháng 12-1946 mới rút khỏi các lãnh thổ này (Võ Kim Cương, 2004: 109-110).

Như vậy, có thể nói trong lịch sử của hầu hết các nước thuộc hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân thì Việt Nam là quốc gia đầu tiên đã nhanh chóng thiết lập chính quyền nhân dân ngay sau khi giành thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám 1945. Không những thế, Việt Nam cũng là quốc gia đầu tiên ngay sau khi mới giành độc lập đã tổ chức thành công một cuộc bầu cử toàn dân, phổ thông, bình đẳng, trực tiếp, bỏ phiếu kín (hơn 90% tổng số cử tri đã đi bỏ phiếu) (Viện Sử học, 2002: 23) để bầu ra một Quốc hội của dân, do dân và vì dân. Trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, khi mà chủ nghĩa thực dân vẫn ngoan cố không chịu nhả miếng mồi béo bở là các thuộc địa thì không phải cư dân bất kỳ thuộc địa nào cũng có thể được hưởng tự do, bình đẳng; chỉ có Việt Nam là người đi tiên phong trong cuộc đấu tranh lật đổ ách nô lệ thực dân thì mới có dân tộc độc lập, dân quyền tự do. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc khởi nghĩa giành chính quyền vào mùa Thu tháng Tám, tiếp đó là cuộc Tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội khóa I và ban hành bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam mới là "thắng lợi đầu tiên của chủ nghĩa Mác-Lênin ở một nước thuộc địa nửa phong kiến; góp phần mở ra thời kỳ tan rã của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc thế giới" (CMT8, 1971: 161).

Giá trị của yếu tố mở đầu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam đối với các dân tộc thuộc địa lại càng được nâng lên gấp bội bởi tính chất dân tộc dân chủ nhân dân, cũng như bởi tính điển hình, mẫu mực cho con đường đấu tranh giành và củng cố độc lập dân tộc của các nước thế giới thứ ba từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai.

Như đã trình bày, cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã bầu ra Quốc hội khóa I của nước Việt Nam mới. Quốc hội khoá I là Quốc hội đầu tiên của một nước Việt Nam độc lập. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã viết: "Do Tổng tuyển cử mà bầu ra Quốc hội. Quốc hội sẽ cử ra Chính phủ. Chính phủ đó thật là Chính phủ của toàn dân…" (Hồ Chí Minh Toàn tập, t.4, 2000: 133). Sự kiện Tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội khóa I chính là mốc mở đầu đánh dấu bước phát triển mang tính đột phá về thể chế dân chủ của nước Việt Nam sau khi giành độc lập. Việc triệu tập kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa I vào ngày 2-3-1946 và kết quả của sự kiện này đã trực tiếp khẳng định bản chất của Nhà nước Việt Nam mới. Đó là một Nhà nước mang tính chất hợp pháp, dân chủ, là nhà nước của dân, do dân và vì dân, được nhân dân tín nhiệm trao trách nhiệm điều hành mọi công việc của đất nước, mà lúc bấy giờ chính là việc tổ chức, lãnh đạo công cuộc kháng chiến và kiến quốc, và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước toàn thể nhân dân Việt Nam. Chính vì vậy, có thể khẳng định một cách chắc chắn rằng, Quốc hội khoá I là Quốc hội của độc lập dân tộc, của đại đoàn kết toàn dân tộc.

Sự ra đời và những hoạt động đầu tiên mang tính chất "kim chỉ nam" của Quốc hội khóa I vừa là thành quả vừa là yêu cầu bức thiết của cuộc đấu tranh giành và bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam. Đồng thời, việc ra đời của Quốc hội khóa I là sự kiện tối quan trọng đặt nền móng mở đầu cho tiến trình xây dựng và củng cố vị thế của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên trường quốc tế và do vậy, sự kiện này đã mang trong mình những ý nghĩa quốc tế to lớn nhất định.

Với sự kiện ra mắt của Quốc hội khóa I trước toàn thể nhân dân, như đã trình bày, Việt Nam không chỉ là nước thuộc địa đầu tiên bằng chính sức mình đã đứng dậy làm cách mạng giải phóng dân tộc thành công, mà còn là nước thuộc địa đầu tiên ở châu Á và châu Phi đã khai sinh ra một Nhà nước cách mạng kiểu mới, một Nhà nước thực sự là của nhân dân - Nhà nước Việt Nam mới có chế độ chính trị với hình thức dân chủ cao nhất là Tổng tuyển cử phổ thông đầu phiếu.

Trong lịch sử các nước thuộc địa từ trước cho đến thời điểm này chưa có một dân tộc nào

vừa giành được độc lập, dù bằng hình thức nào, đã có thể tự chủ đứng ra tổ chức một cuộc Tổng tuyển cử thực sự dân chủ để bầu ra Quốc hội của mình như Việt Nam lúc bấy giờ. Quốc hội Việt Nam vừa được bầu ra bởi cuộc Tổng tuyển cử năm 1946 là cơ quan quyền lực cao nhất, chịu trách nhiệm giải quyết mọi vấn đề đối nội và đối ngoại của Nhà nước Việt Nam mới.

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử 1946 đã tiếp tục cùng với thắng lợi của cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân ta thể hiện sức mạnh quật cường của tinh thần yêu nước và khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam. Từ những thắng lợi vẻ vang trong tiến trình cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta, bạn bè khắp năm châu đã dần nhận rõ sức mạnh và ý chí của Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì độc lập cho đất nước, tự do cho toàn thể nhân dân.

Việc tổ chức thành công cuộc Tổng tuyển cử để bầu ra Quốc hội khóa I trong hoàn cảnh đất nước phải đương đầu với 3 thứ giặc: "*giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm*" đã chứng minh một cách hùng hồn về sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng dân chủ, hòa bình, đồng thời góp phần củng cố niềm tin tất thắng của nhân dân Việt Nam vào con đường đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc, dầu có phải hy sinh xương máu. Sự ra mắt của Quốc hội khóa I đã đặt cơ sở nền tảng vững chắc để Nhà nước cách mạng Việt Nam thiết lập, củng cố và phát triển quan hệ ngoại giao hòa bình, hữu nghị, hợp tác với các nước khác, dần dần chủ động tăng cường tham gia vào các hoạt động của đời sống đối ngoại quốc tế.

Việc khẳng định tính hợp pháp, hợp hiến và dân chủ, cùng với sự ổn định, vững mạnh về chính trị và xã hội trong quá trình xây dựng và phát triển, Việt Nam đã trực tiếp khẳng định rằng một dân tộc nhược tiểu không chỉ dám đứng lên đấu tranh đến cùng để giành độc lập bằng chính sức mình, mà còn tự tổ chức dân chủ thực sự. Nước Việt Nam mới đã trở thành hình mẫu mở đầu cho các nước thuộc địa trước đây nhận thức rõ hơn mục tiêu của công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Với sự kiện Quốc hội khóa I của nước Việt Nam mới ban hành Hiến pháp 1946 - bản Hiến pháp dân chủ đầu tiên của đất nước, Việt Nam đã xây nên cột mốc mở đầu trong tiến trình *xác lập tính hợp pháp - hợp hiến của Nhà nước Việt Nam mới.*

Về mặt đối nội, như đã trình bày ở trên, Hiến pháp năm 1946 đã đặt cơ sở nền tảng vững chắc, mở đầu cho tiến trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật của nhân dân, vì nhân dân ở Việt Nam. Với Hiến pháp 1946, lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, các quyền tự do dân chủ của người dân Việt Nam được ghi nhận và bảo đảm, cũng là lần đầu tiên mọi người dân Việt Nam được hưởng quyền công dân của một nước độc lập có chủ quyền. Bản Hiến pháp 1946 "đã nêu cao tinh thần đoàn kết toàn dân và ấn định một chính thể dân chủ rộng rãi" (Văn kiện Quốc hội Toàn tập, 2016d: 100).

Về mặt đối ngoại, thành công trong việc ban hành Hiến pháp 1946 đã nêu cao tấm gương tiên phong của Việt Nam đối với các dân tộc thuộc địa trong việc xây dựng thể chế dân chủ. Có thể nói, Hiến pháp 1946 là bản Hiến pháp dân chủ và tiến bộ đầu tiên ở Đông Nam Á. Việc Tổng tuyển cử để bầu ra Quốc hội, tổ chức hệ thống bộ máy Nhà nước Việt Nam mới và ban hành Hiến pháp mang tính chất "của dân, do dân và vì dân" đã nêu cao tấm gương tiên phong của Việt Nam đối với các dân tộc thuộc địa và nô dịch.

Những thắng lợi lịch sử to lớn liên tiếp của cách mạng Việt Nam, từ giành chính quyền về tay nhân dân, đến Tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội, đến ban hành Hiến pháp 1946 đã phản bác lại một cách hùng hồn đối với những luận điệu xuyên tạc của thực dân Pháp khi cho rằng Chính phủ Việt Nam là chính phủ "bất hợp pháp". Việc tổ chức Tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội, xây dựng bộ máy Nhà nước, ban hành Hiến pháp… đã góp phần bắt thực dân Pháp phải ngồi vào đàm phán tại Hội nghị trù bị nhằm

chuẩn bị cho Hội nghị Fontainebleau ở Đà Lạt, (từ ngày 18-4 đến ngày 11-5-1946) cũng như Hội nghị Fontainebleau giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Pháp (từ ngày 6-7 đến ngày 10-9-1946 tại lâu đài Fontainebleau, ngoại ô Paris) (Viện Sử học, 2002: 28-33) và việc ký kết Tạm ước 14-9-1946 giữa Việt Nam và Pháp. Những cuộc đàm phán song phương như thế giữa một bên là chính phủ của "mẫu quốc" với chính phủ của nhân dân nước vốn là thuộc địa, trên một góc độ nào đó đã trở thành dấu ấn mạnh mẽ đối với các nước thuộc địa khác. Bởi vì, như ông Phạm Văn Đồng trình bày tại kỳ họp thứ 2 của Quốc hội khóa I: "Mỗi giai đoạn kể trên (*các cuộc đàm phán giữa Việt Nam và Pháp* - TG) là một bước tiến thủ của nước Việt Nam trên con đường tranh thủ tự do và độc lập" (Văn kiện Quốc hội Toàn tập, 2016e: 75). Đồng thời, cũng phải nói rằng, không có được kết quả thắng lợi trong đấu tranh giành chính quyền cũng như trong việc tổ chức và xây dựng Nhà nước Việt Nam mới thì làm sao thực dân Pháp chịu ngồi vào bàn đàm phán. Muốn được sự công nhận từ bên ngoài (quốc tế), nhất là từ phía chủ nghĩa thực dân thì không những phải giành được chính quyền mà phải xây dựng vững chắc chính quyền hợp hiến, có pháp lý rõ ràng, như Việt Nam đã làm được trong giai đoạn cách mạng cụ thể này. Về khía cạnh này, giá trị của cách mạng Việt Nam đối với thế giới thứ ba là ở chỗ kết quả của cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam đã gợi mở cho nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc hướng đi cần thiết trong công cuộc giải phóng dân tộc. Việt Nam không chỉ giành độc lập cho mình, mà còn khẳng định vai trò tiên phong, là người mở đường trong phong trào giải phóng và dân chủ hóa ở thế giới thứ ba.

Việc thành lập tổ chức Liên hợp quốc (1945) với mục tiêu duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, thực hiện hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề toàn cầu về kinh tế, xã hội, văn hóa, nhân đạo và nhất là đảm bảo quyền con người, quyền tự do cơ bản cho tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, màu da, ngôn ngữ hay tôn giáo, thúc đẩy quá trình giải phóng dân tộc khỏi chế độ thuộc địa và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc… đã mở ra một xu hướng mới cho con đường giành độc lập dân tộc của các nước thuộc địa và phụ thuộc. Trong bối cảnh đó, tấm gương Việt Nam với những thành quả bước đầu của quá trình đấu tranh giành lại và bảo vệ nền độc tập của mình là một nguồn động viên to lớn đối với các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc lúc bấy giờ. Bằng những bước đi vững chắc và nhanh chóng trong việc củng cố chính quyền cách mạng, Việt Nam đã gửi thông điệp rõ ràng cho toàn thể các nước thế giới thứ ba về mục tiêu tối thượng của mình. Thông điệp đó khẳng định rằng một quốc gia nhỏ bé từng bị chủ nghĩa thực dân áp bức và bóc lột, nhưng đã dám đứng lên làm cách mạng, giành chính quyền về tay nhân dân và khẳng định quyết tâm lựa chọn con đường xây dựng một Nhà nước dân chủ, của dân do dân và vì dân và luôn thực hiện mối quan hệ hữu nghị, hợp tác và bình đẳng với các nước trên thế giới. Những kinh nghiệm của Việt Nam, không chỉ trong cuộc đấu tranh vũ trang cách mạng để bảo vệ nền độc lập dân tộc vừa giành lại được, mà còn trong cả công cuộc tổ chức, xây dựng bộ máy Nhà nước dân chủ, xây dựng một xã hội tự do, công bằng, bình đẳng, bác ái cho tất cả mọi người. Những kinh nghiệm quý báu của Việt Nam sẽ góp phần mở đường cho các dân tộc khác rút kinh nghiệm trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của họ. Tác động lan tỏa đó của Việt Nam đã để lại những dấu ấn rõ ràng trong phong trào giải phóng dân tộc. Có thể thấy, phong trào giải phóng ở các nước châu Phi từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai là một ví dụ điển hình về vấn đề này.

3. Kết luận

Như vậy, có thể nói, các sự kiện: Tổng tuyển cử năm 1946, Quốc hội khóa I - Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam và việc ban hành Hiến pháp 1946 không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với đời sống chính trị-xã hội trong

nước, mà còn là dấu mốc mang lại giá trị quốc tế đặc biệt của Việt Nam trong những ngày đầu thiết lập thể chế dân chủ cộng hòa. Sự kiện này đã đặt nền tảng vững chắc cho công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam, là tiền đề để cho nhân dân Việt Nam vững tin bước tiếp trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay cũng như là cơ sở để đất nước Việt Nam ngày càng nâng cao vai trò và vị thế, ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế. Phát huy tinh thần là người mở đầu, tiên phong cho các dân tộc thuộc địa trong công cuộc vừa đấu tranh giành độc lập dân tộc, vừa xây dựng, củng cố, bảo vệ và phát triển chính quyền dân chủ, của dân và vì dân trong những ngày đầu cách mạng thành công, trong giai đoạn hiện nay, vai trò, vị thế và ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được củng cố và phát triển mạnh mẽ; uy tín và sự đóng góp của Việt Nam vào công cuộc củng cố nền độc lập của các nước thế giới thứ ba ngày càng được nâng cao.

Với mục tiêu "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh" như Nghị quyết của Đảng đã đề ra, chắc chắn rằng Việt Nam sẽ luôn là ngọn cờ tiên phong cho các nước đang phát triển trong công cuộc xây dựng và bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc của mình.

Tài liệu tham khảo

Cách mạng tháng Tám 1945. (1971). Hà Nội: Nxb. Sự Thật.

Ленин В.И. (1945). "*О значении воинствующего материализма*". Полное собрание сочинений (PSS), 5-е изд., Т.45, Mockba, 1975, cmp.26.

Hồ Chí Minh Toàn tập. (1995). T.1. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

Hồ Chí Minh Toàn tập. (2000). T.4. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

Văn kiện Quốc hội. (2016a). Toàn tập, *Tuyên ngôn của Quốc hội Việt Nam DCCH tại kỳ họp thứ 1 ngày 2-3-1946)*. Tập I: 1945-1960. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

Văn kiện Quốc hội. (2016b). Toàn tập, *Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946 (đã được Quốc hội Khóa I nước Việt Nam DCCH thông qua tại kỳ họp thứ 2 ngày 9-11-1946)*. Tập I: 1945-1960. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

Văn kiện Quốc hội. (2016c). Toàn tập, *Lời phát biểu của Hồ Chủ tịch tại phiên họp bế mạc kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa I, ngày 9-11-1946*. Tập I: 1945-1960. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

Văn kiện Quốc hội. 2016d. Toàn tập, *Lời Quốc hội Việt Nam tại Kỳ họp thứ 2 ngày 9-1-1946 gửi đồng bào toàn quốc*. Tập I: 1945-1960. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

Văn kiện Quốc hội. (2016e). Toàn tập, *Báo cáo đặc biệt của Chính phủ về việc giao thiệp với Chính phủ Pháp do ông Phạm Văn Đồng, trưởng phái đoàn Quốc hội Việt Nam sang Pháp trình bày tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa I, ngày 30-10-1946*. Tập I: 1945-1960. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

Võ Kim Cương. (2004). *Việt Nam và châu Phi trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

Viện Sử học. (2002). *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử (1945-1975)*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

Viện Sử học. (2017). *Lịch sử Việt Nam*, Tập 10: từ 1945 đến 1950. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.